

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 04 - 2024
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Du Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Trường

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thùy L**, sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: **Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tây Đ**, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: **Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/11/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà **Trần Thùy L** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà **L** và ông **Đ** tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong hôn nhân, xảy ra cự cãi và đã ly thân, bà **L** yêu cầu được ly hôn với ông **Đ**.

Về con chung: có 2 con chung tên Nguyễn Triệu T, sinh ngày 20/02/2015 và Trần Kiều K, sinh 10/8/2020, 2 con chung hiện tại do bà L nuôi dưỡng, bà L yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Tây Đ trình bày:

Tại biên bản hoà giải ngày 27/11/2023 ông Đ trình bày: Về hôn nhân thống nhất với trình bày của bà L về thời gian đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng; ông còn thương vợ con, trường hợp bà L kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung có 2 con chung, ông yêu cầu được nuôi 1 con chung, cháu nào có nguyện vọng ở với ông thì ông nuôi dưỡng cháu đó. Về tài sản chung nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2024 ông Đ trình bày: ông thống nhất ly hôn, ông thống nhất giao 2 con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông yêu cầu được quyền thăm nom, chăm sóc 2 con chung. Về tài sản chung thoả thuận xong, không có nợ chung.

- Cháu Nguyễn Triệu T trình bày: Nguyện vọng của cháu được sinh sống cùng với mẹ là bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thùy L với ông Nguyễn Tây Đ là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Tây Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Đ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thùy L với ông Nguyễn Tây Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa bà L với ông Đ xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân. Bà L cùng ông Đ thống nhất ly hôn nhau. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thùy L với ông Nguyễn Tây Đ.

[3] Về con chung: Bà L cùng ông Đ thống nhất giao cháu Nguyễn Triệu T và cháu Trần Kiều K cho bà L nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Triệu T, có nguyện vọng được bà L nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của cháu. Do đó, tiếp tục giao cháu T và cháu K cho bà L nuôi dưỡng là đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Ông Đ không trực tiếp nuôi con

chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu **T** và cháu **K** không ai được cản trở.

[4] Bà **L** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm: Bà **Trần Thùy L** phải chịu 300.000 đồng, bà **L** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006011 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Trần Thùy L** với ông **Nguyễn Tây Đ**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Triệu T**, sinh ngày 20/02/2015 và **Trần Kiều K**, sinh 10/8/2020 cho bà **Trần Thùy L** nuôi dưỡng. Ông **Nguyễn Tây Đ** không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu **T** và cháu **K** không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **Trần Thùy L** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà **L** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006011 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu.

Bà **Trần Thùy L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông **Nguyễn Tây Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

